

Giáo viên giảng dạy:
Ngày soạn:

Lớp dạy:
Ngày dạy:

Tiết 1:

CHỦ ĐỀ 1:

KHÁI QUÁT VỀ MÔN VẬT LÝ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nêu được đối tượng nghiên cứu của Vật lý học và mục tiêu của môn Vật lý.
- Nêu được một số ảnh hưởng của vật lý đối với cuộc sống, đối với sự phát triển của khoa học, công nghệ và kỹ thuật.
- Nêu được ví dụ chứng tỏ kiến thức, kỹ năng vật lý được sử dụng trong một số lĩnh vực khác nhau
- Nêu được một số ví dụ về phương pháp nghiên cứu vật lý (phương pháp thực nghiệm và phương pháp mô hình).
- Nêu được các bước trong tiến trình tìm hiểu thế giới tự nhiên dưới góc độ vật lý.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực tự học và nghiên cứu tài liệu.
- Năng lực trình bày và trao đổi thông tin.
- Năng lực nêu và giải quyết vấn đề.
- Năng lực thực nghiệm.
- Năng lực dự đoán, suy luận lý thuyết, thiết kế và thực hiện theo phương án thí nghiệm kiểm chứng giả thuyết, dự đoán, phân tích, xử lý số liệu và khái quát rút ra kết luận khoa học.
- Năng lực hoạt động nhóm.

b. Năng lực đặc thù môn học

- Phân tích được một số ảnh hưởng của vật lý đối với cuộc sống, đối với sự phát triển của khoa học, công nghệ và kỹ thuật.
- Nêu được ví dụ chứng tỏ kiến thức, kỹ năng vật lý được sử dụng trong một số lĩnh vực khác nhau
- Vận dụng được các phương pháp nghiên cứu vật lý trong một số hiện tượng vật lý cụ thể

3. Phẩm chất

- Có thái độ kính trọng và học tập môn Vật lý.
- Có sự yêu thích tìm hiểu và liên hệ các hiện tượng thực tế liên quan.
- Có tác phong làm việc cẩn thận, tỉ mỉ.
- Có thái độ khách quan trung thực, nghiêm túc học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Bài giảng powerpoint kèm các hình ảnh và video liên quan đến nội dung bài học
- Giấy kẻ ô li để vẽ đồ thị
- Phiếu học tập.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1
Hãy xem bảng hướng dẫn sử dụng sách ở trang 2 và nêu ra các dấu hiệu các điều tượng ở cột A sao cho tương ứng với các ý nghĩa ở cột B:

CỘT A	CỘT B
--------------	--------------

1		a	Khởi động, đặt vấn đề, gợi mở và tạo hứng thú vào bài học
2		b	Củng cố kiến thức và rèn luyện kỹ năng đã học
3		c	Tóm tắt kiến thức trọng tâm
4		d	Hoạt động hình thành kiến thức mới qua việc quan sát hình ảnh, thí nghiệm hoặc trải nghiệm thực tế
5		e	Thảo luận để hình thành kiến thức mới
6		f	Vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học vào thực tiễn cuộc sống
7		g	Gới thiệu thêm kiến thức và ứng dụng liên quan đến bài học, giúp các em tự học ở nhà

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Câu 1: Nêu đối tượng nghiên cứu tương ứng với từng phân ngành sau của vật lí: cơ, ánh sáng, điện, từ.

Từ đó, hãy tổng quát hóa, cho biết đối tượng nghiên cứu của vật lí gồm những gì?

Câu 2: Mục tiêu của Vật lí là gì? Mục tiêu học tập môn vật lí là gì?

Câu 3: Quan sát hình 1.2, thảo luận để nêu thế nào là vi mô, vĩ mô.



a)

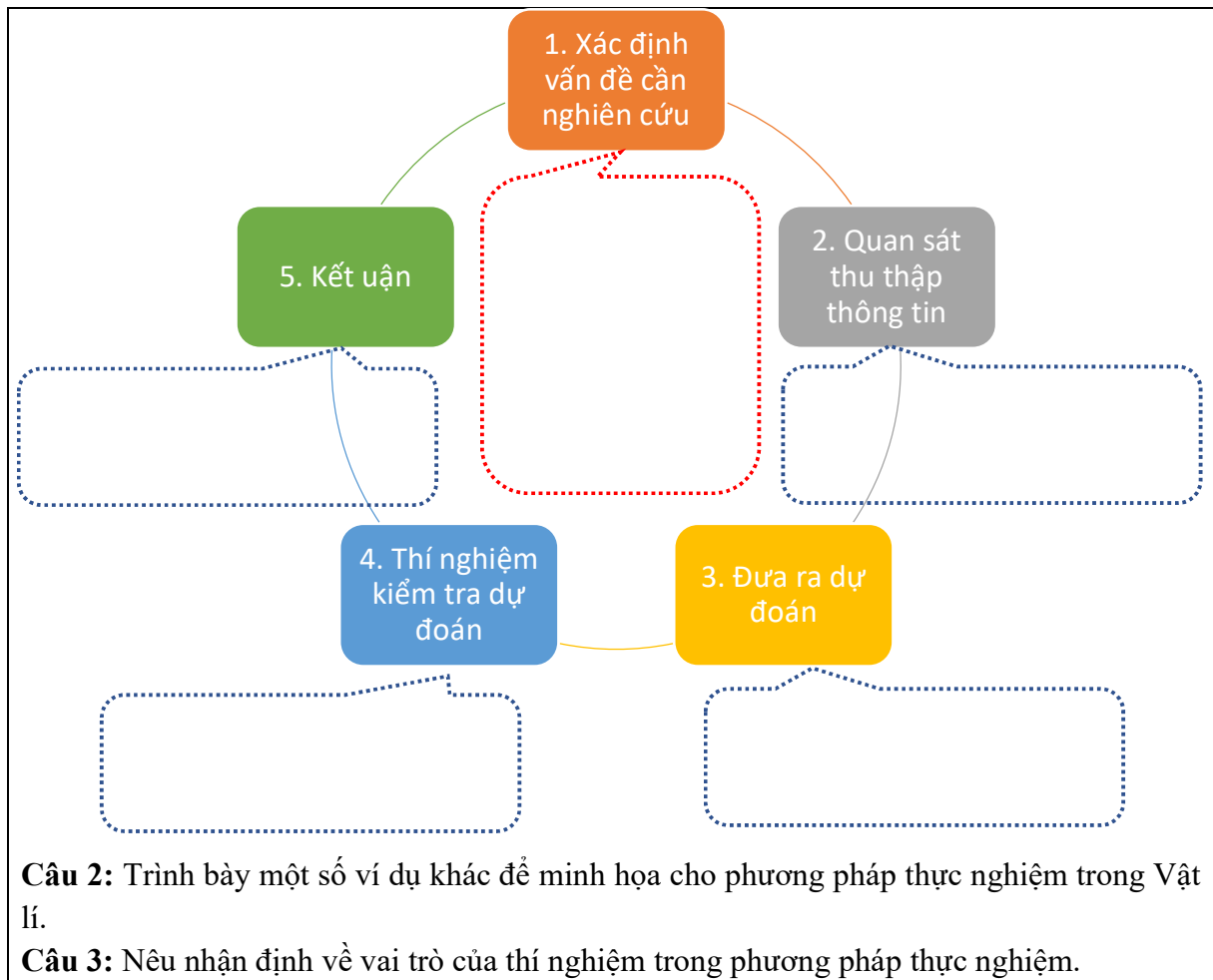


b)

▲ Hình 1.2. Minh họa các cấp độ của vật chất

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3A

Câu 1: Đọc mục Phương pháp thực nghiệm và quan sát hình vẽ 1.3. Hãy điền những bước làm của Galile vào sơ đồ sau:



PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3B

Câu 1: Dựa vào phần tóm tắt kiến thức trọng tâm ở trang 9. Hãy sơ đồ hóa quá trình tìm hiểu thế giới tự nhiên dưới góc độ vật lí.

Câu 2: Đọc mục phương pháp lí thuyết và quan sát hình 1.4. Hãy điền những bước làm của các nhà khoa học khi nghiên cứu sự tồn tại của Hải Vương Tinh vào sơ đồ đã dựng ở.

Câu 3: Xác định điểm cốt lõi của phương pháp lí thuyết.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Câu 1: Quan sát Hình 1.5 và phân tích ảnh hưởng của Vật lí trong một số lĩnh vực. Từ đó, trình bày ưu, nhược của việc ứng dụng Vật lí vào đời sống và vai trò của các chuyên ngành vật lí liên thông ở các lĩnh vực trên.

Giáo án thuộc về nhóm: GIÁO ÁN VẬT LÍ

Website: Conhungcute.com

Facebook: Nguyễn Bích Nhung

Zalo: 0972.46.48.52

Youtube: Cô Nhung Cute

Gmail: Bichnung@gmail.com



▲ Hình 1.5. So sánh một số trường hợp không có và có ứng dụng những kĩ thuật của Vật lí hiện đại: a) và b) thông tin liên lạc; c) và d) chẩn đoán bệnh; e) và f) quy trình đóng gói; g) và h) quan sát thiên văn

Câu 2: Hãy nêu và phân tích một số ứng dụng khác của Vật lí trong đời sống hằng ngày.

Câu 3: Có ý kiến nhận định điện năng là thành tựu cốt lõi và huyết mạch của Vật lí cho nền văn minh của nhân loại. Hình 1.8 cho thấy các châu lục sáng rực về đêm. Trình bày quan điểm của em về nhận định này.



▲ Hình 1.8. Các châu lục sáng rực về đêm nhờ điện năng: a) Châu Á; b) Châu Âu

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Câu 1: Điền khuyết các từ khóa thích hợp vào chỗ trống:

Từ khóa: vĩ mô, năng lực, vật chất, sự vận động, vi mô, năng lượng.

a. Đối tượng nghiên cứu của Vật lí gồm: các dạng vận động của và

b. Mục tiêu của Vật lí là khám phá ra quy luật tổng quát nhất chi phối của vật chất và năng lượng, cũng như tương tác giữa chúng ở mọi cấp độ:,

c. Mục tiêu học tập môn Vật lí: Giúp học sinh hình thành, phát triển vật lí.

Câu 2: Hãy nối những ảnh hưởng vật lí tương ứng ở cột A với những ứng dụng Vật lí vào đời sống tương ứng ở cột B

CỘT A

- 1 Y tế
- 2 Nông nghiệp
- 3 Thông tin liên lạc
- 4 Nghiên cứu khoa học
- 5 Nông nghiệp

CỘT B

- a Kính hiển vi điện tử, máy quang phổ
- b Internet kết hợp với điện thoại thông minh và một số thiết bị công nghệ.
- c Năng suất vượt trội nhờ vào máy móc cơ khí tự động hóa.
- d Nội soi, chụp X – quang, chụp cắt lớp vi tính, chụp cộng hưởng (MRI), xạ trị
- e Sản xuất dây chuyền, tự động hóa.

Câu 3: Sắp xếp lại đúng các bước tìm hiểu thế giới tự nhiên dưới góc độ vật lí.

- 1 Tính toán theo mô hình lí thuyết, xử lí số liệu
- 2 Thiết kế, xây dựng mô hình lí thuyết

3	Rút ra kết luận
4	Đổi chiều với li thuyết đang có
5	Quan sát hiện tượng

2. Học sinh

- Ôn lại những vấn đề đã được học về vật lí ở cấp THCS.
- SGK, vở ghi bài, giấy nháp.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Bảng tóm tắt tiến trình dạy học

Hoạt động (thời gian)	Nội dung (Nội dung của hoạt động)	Phương pháp, kỹ thuật dạy học chủ đạo	Phương án đánh giá
Hoạt động [1]. <i>Xác định vấn đề/nhiệm vụ học tập</i>	- Học sinh xác nhận tầm quan trọng của môn Vật lí. - Học sinh làm việc nhóm tìm hiểu cách sử dụng sách.	HS thực hiện theo nhóm (chia lớp thành 4 nhóm)	Đánh giá báo cáo của từng nhóm học sinh.
Hoạt động [2]. <i>Hình thành kiến thức mới/giải quyết vấn đề/Thực thi nhiệm vụ</i>	Học sinh làm việc nhóm để xây dựng các nội dung chính của bài: - Tìm hiểu về đối tượng nghiên cứu của vật lí, mục tiêu của môn vật lí và phương pháp nghiên cứu vật lí - Tìm hiểu về ảnh hưởng của vật lí đến một số lĩnh vực trong đời sống và kỹ thuật	+ Phương pháp nhóm đội.	- Đánh giá hoạt động qua bảng nhóm. - Trình bày của nhóm.
Hoạt động [3]. <i>Luyện tập</i>	Hs trả lời câu hỏi và bài tập đơn giản có tên của chủ đề.	Thực hiện theo hình thức thi đua.	Đánh giá kết quả thi đua.
Hoạt động [4]. <i>Vận dụng</i>	- Sử dụng kiến thức và kỹ năng đã học để giải quyết các vấn đề thực tế. - Vận dụng kiến thức và kỹ năng vào các tình huống thực tế.	Thực hiện theo nhóm	Đánh giá qua bài báo cáo thuyết trình.

Hoạt động 1: Mở đầu: Tạo tình huống học tập

a. Mục tiêu:

- Kích thích sự tò mò, tìm hiểu về vật lí.
- Biết cách sử dụng sách giáo khoa trong quá trình tự học, tự tìm hiểu tài liệu.

b. Nội dung: Học sinh tiếp nhận vấn đề từ giáo viên và hoàn thành nhiệm vụ theo nhóm mà giáo viên đã giao

c. Sản phẩm: Báo cáo kết quả hoạt động nhóm thông qua phiếu học tập và ghi chép của học sinh.

ĐÁP ÁN PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

1 – e; 2 – a; 3 – f; 4 – c; 5 – b; 6 – g; 7 – d.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước thực hiện	Nội dung các bước
Bước 1	- Giáo viên nêu vấn đề: Khoa học công nghệ ngày nay có sự phát triển vượt bậc, đó là nhờ sự góp mặt không nhỏ của bộ môn khoa học Vật lí. Trước khi tìm hiểu từng nội dung cụ thể của môn học, ta sẽ tìm hiểu về cách sử dụng sách nhé! - Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ: Hãy đọc sách giáo khoa trang 2 và trang 5 hoàn thành phiếu học tập số 1. (Có thể cho các nhóm thi đua xem nhóm nào nhanh hơn)
Bước 2	Học sinh thực hiện nhiệm vụ theo nhóm
Bước 3	Báo cáo kết quả và thảo luận - Các nhóm đưa kết quả lên bảng. - Học sinh các nhóm xem kết quả của các nhóm khác, nhận xét, bổ sung và sửa lỗi về câu trả lời của các nhóm khác
Bước 4	Giáo viên tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu về đối tượng nghiên cứu của vật lí, mục tiêu của môn vật lí và phương pháp nghiên cứu vật lí

a. Mục tiêu:

- Nêu được đối tượng nghiên cứu của Vật lí học và mục tiêu của môn Vật lí.
- Nắm được các giai đoạn phát triển của Vật lí
- Nêu được một số ví dụ về phương pháp nghiên cứu vật lí (phương pháp thực nghiệm và phương pháp mô hình).
- Nêu được các bước trong tiến trình tìm hiểu thế giới tự nhiên dưới góc độ vật lí.
- Vận dụng được các phương pháp nghiên cứu vật lí trong một số hiện tượng vật lí cụ thể

b. Nội dung: Học sinh thực hiện nhiệm vụ theo nhóm hoàn thành yêu cầu dựa trên gợi ý của giáo viên

c. Sản phẩm:

A. ĐỐI TƯỢNG – MỤC TIÊU – PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VẬT LÍ

1. Đối tượng nghiên cứu:

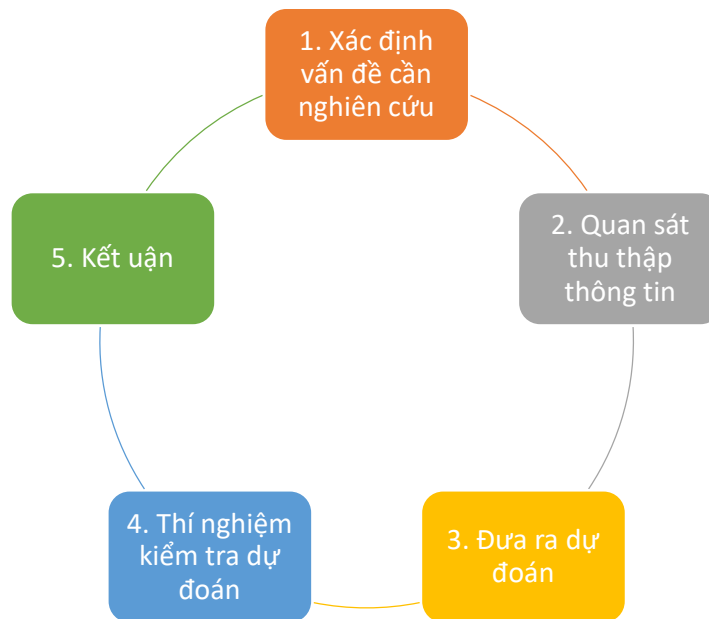
- Đối tượng nghiên cứu của Vật lí gồm: các dạng vận động của VẬT CHẤT (chất, trường) và NĂNG LƯỢNG.

2. Mục tiêu của môn Vật lí:

- Mục tiêu của Vật lí là khám phá ra quy luật tổng quát nhất chi phối sự vận động của vật chất và năng lượng, cũng như tương tác giữa chúng ở mọi cấp độ: vi mô, vĩ mô.
- Mục tiêu học tập môn Vật lí: Giúp học sinh hình thành, phát triển năng lực vật lí với các biểu hiện chính:
 - + Có được những kiến thức, kỹ năng cơ bản về vật lí.
 - + Hiểu được các quy luật tự nhiên, vận dụng kiến thức vào cuộc sống.
 - + Nhận biết được năng lực, sở trường của bản thân, định hướng nghề nghiệp.

3. Các phương pháp nghiên cứu vật lí

a. Phương pháp thực nghiệm:



Phương pháp thực nghiệm dùng thí nghiệm để phát hiện kết quả mới giúp kiểm chứng, hoàn thiện, bổ sung hay bác bỏ giả thuyết nào đó. Kết quả mới này cần được giải thích bằng lý thuyết đã biết hoặc lý thuyết mới.

b. Phương pháp lí thuyết:

Phương pháp lí thuyết sử dụng ngôn ngữ toán học và suy luận lý thuyết để phát hiện một kết quả mới. Kết quả mới này cần được kiểm chứng bằng thực nghiệm.

- Hai phương pháp thực nghiệm và lí thuyết hỗ trợ cho nhau, trong đó phương pháp thực nghiệm có tính quyết định.
- Sơ đồ hóa quá trình tìm hiểu thế giới tự nhiên dưới góc độ vật lí.

Giáo án thuộc về nhóm: GIÁO ÁN VẬT LÝ
 Website: Conhungcute.com
 Facebook: [Nguyễn Bích Nhung](#)
 Zalo: [0972.46.48.52](tel:0972.46.48.52)
 Youtube: [Cô Nhung Cute](#)
 Gmail: Bichnhung@gmail.com

d. Tổ chức thực hiện:

Bước thực hiện	
Bước 1	<p>- Giáo viên nêu vấn đề: Ở cấp trung học cơ sở, các em đã tìm hiểu về: lực, năng lượng, âm thanh, ánh sáng, điện, từ... tất cả đều thuộc môn Vật Lí. Tuy nhiên, trước khi bắt đầu các chương trình Vật Lí cấp trung học phổ thông các em cần trả lời các câu hỏi: Vật lí nghiên cứu gì? Nghiên cứu Vật lí để làm gì? Nghiên cứu Vật lí bằng cách nào? Ta sẽ tìm hiểu điều này qua chương đầu tiên</p> <p style="text-align: center;">Chương I: Mở đầu Bài 1: Khái quát về môn Vật lí.</p>

	<p>- Giáo viên giới thiệu hình ảnh 1.1: Vào năm 1905, nhà vật lý vĩ đại Albert Anhtanh đã đưa ra được biểu thức mô tả mối liên hệ giữa năng lượng và khối lượng.</p> <div data-bbox="639 205 1222 527" data-label="Image"> </div> <p style="text-align: center;">▲ Hình 1.1. Albert Einstein (1879 – 1955)</p> <p>- Giáo viên chuyên giao nhiệm vụ: Yêu cầu học sinh đọc mục 1 và hoàn thành phiếu học tập số 2.</p>
<p>Bước 2</p>	<p>Học sinh thực hiện nhiệm vụ theo nhóm</p>
<p>Bước 3</p>	<p>Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện 1 nhóm trình bày. <p>Câu 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối tượng nghiên cứu tương ứng của từng phân ngành: <ul style="list-style-type: none"> + Cơ học: chuyển động của vật chất trong không gian và thời gian dưới tác dụng của lực và những hệ quả của chúng lên môi trường xung quanh + Quang học (ánh sáng): các hiện tượng tán sắc ánh sáng + Điện học: các hiện tượng về điện. + Từ học: nghiên cứu về các hiện tượng hút và đẩy của các chất và hợp chất gây ra bởi từ tính của chúng. - Đối tượng nghiên cứu của Vật lí gồm: các dạng vận động của vật chất và năng lượng. <p>Câu 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu của Vật lí là khám phá ra quy luật tổng quát nhất chi phối sự vận động của vật chất và năng lượng, cũng như tương tác giữa chúng ở mọi cấp độ: vi mô, vĩ mô. - Mục tiêu học tập môn Vật lí: Giúp học sinh hình thành, phát triển năng lực vật lí với các biểu hiện chính: <ul style="list-style-type: none"> + Có được những kiến thức, kỹ năng cơ bản về vật lí. + Hiểu được các quy luật tự nhiên, vận dụng kiến thức vào cuộc sống. + Nhận biết được năng lực, sở trường của bản thân, định hướng nghề nghiệp. <p>Câu 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp độ vi mô là cấp độ dùng để mô phỏng vật chất nhỏ bé - Cấp độ vĩ mô là cấp độ dùng để mô phỏng tầm rộng lớn hay rất lớn của vật chất - Học sinh các nhóm khác thảo luận, nhận xét, bổ sung và sửa lỗi về câu trả lời của nhóm đại diện.
<p>Bước 4</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. - Giáo viên lưu ý 2 phương pháp nghiên cứu của Vật lí: Phương pháp nghiên cứu của khoa học nói chung và vật lí nói riêng được hình thành qua các thời

kỳ phát triển của nền văn minh nhân loại, bao gồm hai phương pháp chính: phương pháp thực nghiệm và phương pháp lí thuyết.
 - Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ: Yêu cầu học sinh đọc các phương pháp nghiên cứu của vật lí trang 6, 7 và nhóm 1, 2 làm phiếu học tập 3A; nhóm 3, 4 làm phiếu học tập 3B.

Bước 5 Học sinh thực hiện nhiệm vụ theo nhóm.

Bước 6 Báo cáo kết quả và thảo luận
 - Đại diện nhóm 1, 2 trình bày.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3A

Câu 1:



Giáo án thuộc về nhóm: GIÁO ÁN VẬT LÝ

+ Thả một hòn bi rơi từ tầng 3 xuống dưới mặt đất

+ Ném một quả bóng lên trên

Câu 3: Như nhà định luật vạn vật hấp dẫn, hãy trình nghiệm.

Vai trò của của thí nghiệm trong phương pháp thực nghiệm: dựa vào thí nghiệm mà đưa ra dự đoán kết quả, kiểm tra được kết quả, hoàn thiện, bổ sung hay bác bỏ một giả thuyết nào đó

- Đại diện trình bày

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3B

Câu 1: Số đo hóa quả trình thí nghiệm rơi tự nhiên dưới góc độ vật lí.

Website: conhungcute.com

Facebook: Nguyễn Bích Nhung

Zalo: 0972.46.48.52

Youtube: Cô Nhung Cute

Gmail: Bichnhung@gmail.com

	<div style="text-align: center;"> </div> <p>Câu 2:</p> <div style="text-align: center;"> </div> <p>Câu 3: Điểm cốt lõi của phương pháp lí thuyết: lí thuyết được xây dựng dựa trên các quan sát ban đầu và trực giác của các nhà vật lí.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh các nhóm khác thảo luận, nhận xét, bổ sung và sửa lỗi về câu trả lời của nhóm đại diện.
Bước 7	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. - Giáo viên nhấn mạnh lại những ý chính cần nắm trong phương pháp

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về ảnh hưởng của vật lí đến một số lĩnh vực trong đời sống và kĩ thuật

a. Mục tiêu:

- Nêu và phân tích được một số ảnh hưởng của vật lí đối với cuộc sống, đối với sự phát triển của khoa học, công nghệ và kĩ thuật.
- Nêu được ví dụ chứng tỏ kiến thức, kĩ năng vật lí được sử dụng trong một số lĩnh vực khác nhau

b. Nội dung: Học sinh thực hiện nhiệm vụ theo nhóm hoàn thành yêu cầu dựa trên gợi ý của giáo viên

c. Sản phẩm:

B. ẢNH HƯỞNG CỦA VẬT LÍ ĐẾN MỘT SỐ LĨNH VỰC TRONG ĐỜI SỐNG VÀ KỸ THUẬT

- Vật lí là cơ sở của khoa học tự nhiên và công nghệ.
- Ảnh hưởng của Vật lí trong một số lĩnh vực:
 - + Thông tin liên lạc: nhờ có thông tin liên lạc mà tin tức được truyền đi nhanh chóng, chính xác mà không phải thông qua chim bồ câu như hồi xưa.

+ Y tế: Các phương pháp chuẩn đoán và chữa bệnh có áp dụng kiến thức vật lý như phép nội soi, chụp X – quang, chụp cắt lớp vi tính, chụp cộng hưởng (MRI), xạ trị,... đã giúp cho việc chuẩn đoán và chữa bệnh của các bác sĩ đạt hiệu quả cao

+ Công nghiệp: Vật lý là động lực của các cuộc cách mạng công nghiệp, vì vậy nền sản xuất nhỏ lẻ được chuyển thành nền sản xuất dây chuyền, tự động hóa. Từ đó nâng cao chất lượng, cải thiện đời sống.

+ Nông nghiệp: Việc ứng dụng những thành tựu của vật lý đã chuyển đổi quá trình canh tác truyền thống thành các phương pháp hiện đại với năng suất vượt trội nhờ vào máy móc cơ khí tự động hóa

+ Nghiên cứu khoa học: Vật lý đã giúp cải tiến thiết bị và phương pháp nghiên cứu của rất nhiều ngành khoa học, giúp khám phá các hiện tượng trên Trái Đất.

→ Vật lý ảnh hưởng mạnh mẽ và có tác động làm thay đổi mọi lĩnh vực hoạt động của con người. Dựa trên nền tảng vật lý các công nghệ mới được sáng tạo với tốc độ vũ bão.

→ Kiến thức vật lý trong các phân ngành được áp dụng kết hợp để tạo ra kết quả tối ưu. Các kĩ năng vật lý như tính chính xác, đúng thời điểm và thời lượng, quan sát, suy luận nhạy bén đã thành kĩ năng sống cần có của con người hiện đại.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước thực hiện	Nội dung các bước
Bước 1	- Giáo viên nêu vấn đề: Vật lý là cơ sở của khoa học tự nhiên và công nghệ. - Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ: Yêu cầu học sinh đọc mục 2 làm phiếu học tập số 4.
Bước 2	Học sinh thực hiện nhiệm vụ theo nhóm.
Bước 3	Báo cáo kết quả và thảo luận - Đại diện nhóm trình bày. Câu 1: Ảnh hưởng của Vật lý trong một số lĩnh vực: + Thông tin liên lạc: nhờ có thông tin liên lạc mà tin tức được truyền đi nhanh chóng, chính xác mà không phải thông qua chim bồ câu như hồi xưa + Y tế: Các phương pháp chuẩn đoán và chữa bệnh có áp dụng kiến thức vật lý như phép nội soi, chụp X – quang, chụp cắt lớp vi tính, chụp cộng hưởng (MRI), xạ trị,... đã giúp cho việc chuẩn đoán và chữa bệnh của các bác sĩ đạt hiệu quả cao + Công nghiệp: Vật lý là động lực của các cuộc cách mạng công nghiệp, vì vậy nền sản xuất nhỏ lẻ được chuyển thành nền sản xuất dây chuyền, tự động hóa. Từ đó nâng cao chất lượng, cải thiện đời sống. + Nông nghiệp: Việc ứng dụng những thành tựu của vật lý đã chuyển đổi quá trình canh tác truyền thống thành các phương pháp hiện đại với năng suất vượt trội nhờ vào máy móc cơ khí tự động hóa. + Nghiên cứu khoa học: Vật lý đã giúp cải tiến thiết bị và phương pháp nghiên cứu của rất nhiều ngành khoa học, giúp khám phá các hiện tượng trên Trái Đất. Câu 2: Một số ứng dụng khác trong đời sống hằng ngày:

Giáo án thuộc về nhóm: **GIÁO ÁN VẬT LÝ**



Website: Conhungcute.com

Facebook: [Nguyễn Bích Nhung](#)

Zalo: [0972.46.48.52](tel:0972464852)

Youtube: [Cô Nhung Cute](#)

Gmail: Bichnhung@gmail.com

	<p>+ Canh tác nuôi trồng thủy hải sản: Việc ứng dụng những thành tựu của vật lý đã giúp việc nuôi trồng thủy hải sản được dễ dàng hơn, năng suất cao hơn.</p> <p>Câu 3:</p> <p>Tùy theo quan điểm của mỗi cá nhân về nhận định điện năng là thành tựu cốt lõi và huyết mạch của Vật lý cho nền văn minh của nhân loại.</p> <p><i>Ý kiến cá nhân:</i> Điện năng đã góp phần vô cùng quan trọng cho nền văn minh của nhân loại. Tuy nhiên, ngoài điện năng ra còn có rất nhiều dạng năng lượng khác như quang năng, nhiệt năng, năng lượng nguyên tử,... Tất cả các dạng năng lượng này đã góp phần làm nên nền văn minh của nhân loại.</p> <p>- Học sinh các nhóm khác thảo luận, nhận xét, bổ sung và sửa lỗi về câu trả lời của nhóm đại diện.</p>
<p>Bước 4</p>	<p>- Giáo viên tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh.</p> <p>- Giáo viên nhận định: Vai trò của vật lý trong sự phát triển các công nghệ nêu trên cho thấy sự ảnh hưởng to lớn của nó đối với cuộc sống con người. Mọi thiết bị mà con người sử dụng hàng ngày đều ít nhiều gắn với những thành tựu nghiên cứu của Vật lý. Tuy nhiên, việc ứng dụng các thành tựu của vật lý vào công nghệ không chỉ mang lại lợi ích cho nhân loại mà còn có thể làm ô nhiễm môi trường sống, hủy hoại hệ sinh thái,... nếu không được sử dụng đúng phương pháp, đúng mục đích.</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;"> <div style="text-align: center;">  <p>Khí thải từ nhà máy</p> </div> <div style="text-align: center;">  <p>Vụ nổ bom nguyên tử</p> </div> </div>

Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu:

- HS hệ thống hóa kiến thức và vận dụng giải bài tập về

b. Nội dung: Học sinh thực hiện nhiệm vụ theo nhóm hoàn thành yêu cầu dựa trên gợi ý của giáo viên

c. Sản phẩm: Kiến thức được hệ thống và hiểu sâu hơn các định nghĩa.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước thực hiện	Nội dung các bước
<p>Bước 1</p>	<p>Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ: Yêu cầu HS hoàn thành phiếu học tập số 5. (Tạo trò chơi thi đua giữa các nhóm)</p>
<p>Bước 2</p>	<p>Học sinh thực hiện nhiệm vụ theo nhóm</p>
<p>Bước 3</p>	<p>Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>- Đại diện 1 nhóm trình bày.</p> <p>Câu 1:</p> <p>a. vật chất, năng lượng.</p> <p>b. sự vận động, vi mô, vĩ mô.</p> <p>c. năng lực.</p>

	<p>Câu 2: 1 - d; 2 - c; 3 - b; 4 - a; 5 - e.</p> <p>Câu 3: 5 - 4 - 2 - 1 - 3.</p> <p>- Học sinh các nhóm khác thảo luận, nhận xét, bổ sung và sửa lỗi về câu trả lời của nhóm đại diện.</p>
Bước 4	Giáo viên tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh

Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu:

- Giúp học sinh tự vận dụng, tìm tòi mở rộng các kiến thức trong bài học và tương tác với cộng đồng. Tùy theo năng lực mà các em sẽ thực hiện ở các mức độ khác nhau.

b. Nội dung: Học sinh thực hiện nhiệm vụ ở nhà theo nhóm hoặc cá nhân

c. Sản phẩm: Bài tự làm vào vở ghi của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Nội dung 1: Ôn tập	Về nhà ôn lại những nội dung chính của bài, làm bài tập 1, 2 trang 11 SGK
Nội dung 2: Mở rộng	Tìm hiểu để viết bài thuyết trình ngắn về quá trình sản xuất, truyền tải và lợi ích của điện năng.
Nội dung 3: Chuẩn bị bài mới	Xem trước bài 2: Vấn đề an toàn trong vật lí.

V. ĐIỀU CHỈNH, THAY ĐỔI, BỔ SUNG (NẾU CÓ)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Giáo án thuộc về nhóm: GIÁO ÁN VẬT LÝ

Website: Conhungcute.com

Facebook: Nguyễn Bích Nhung

Zalo: 0972.46.48.52

Youtube: Cô Nhung Cute

Gmail: Bichnhung@gmail.com